

Số: 191 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 01 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành “Kế hoạch Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Cà Mau giai đoạn 2016 - 2020”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Công văn số 2634/BTTTT-THH ngày 17/8/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 3993/BTTTT-THH ngày 04/12/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thẩm định kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN tỉnh Cà Mau giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau tại Tờ trình số 01/TTr-STTTT ngày 25/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Cà Mau giai đoạn 2016 - 2020” (có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng lộ trình và quy định của pháp luật hiện hành; thường xuyên theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (VIC);
- UBND các huyện, thành phố (VIC);
- Công TTĐT, TT Công báo - Tin học;
- LĐVP UBND tỉnh (H.Hùng);
- P.VHXX (T);
- Lưu: VT, Mi66/01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Thân Đức Hương

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong hoạt động
cơ quan nhà nước tỉnh Cà Mau giai đoạn 2016 – 2020**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 191 /QĐ-UBND
ngày 02 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 13/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020;

Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng Chính phủ điện tử;

Công văn số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 1.0;

Công văn số 2634/BTTTT-THH ngày 17/8/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Công văn số 3993/BTTTT-THH ngày 04/12/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thẩm định kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN tỉnh Cà Mau giai đoạn 2016-2020.

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Môi trường pháp lý

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành một số văn bản triển khai, thực hiện nhằm phát triển công nghệ thông tin, cụ thể như:

- Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 28/12/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy chế mẫu về sử dụng thư điện tử trong cơ quan nhà nước;

- Quyết định 1525/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ công việc liên thông trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

- Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 07/8/2012 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Thông tin và Truyền thông (Lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ Thông tin) tỉnh Cà Mau đến năm 2020;

- Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 ban hành Quy chế quản lý dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Cà Mau;

- Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 20/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

2. Hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng CNTT được đầu tư tương đối đồng bộ, đều khắp từ các cơ quan cấp tỉnh đến cấp xã. Trung bình đạt tỉ lệ 0,8 máy tính/cán bộ, công chức; 0,4 máy in/cán bộ, công chức và 100% các cơ quan đã có mạng LAN và được kết nối với Internet tốc độ cao bằng ADSL hoặc cáp quang. Các cơ quan, đơn vị đang sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành (VIC) 100% đã trang bị máy scanner (quét văn bản).

Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng và Nhà nước (WAN) đã kết nối hầu hết các cơ quan cấp tỉnh đến Ủy ban nhân dân huyện và Huyện ủy; cho phép kết nối an toàn, ổn định cho các ứng dụng đòi hỏi tốc độ ổn định, mức độ bảo mật cao như hội nghị truyền hình trực tuyến.

Trung tâm dữ liệu của tỉnh đã được đầu tư hoàn thiện ở mức cơ bản đáp ứng TCVN 9520:2012 với 280 GFLOPS xử lý và 53TB lưu trữ. Trung tâm giúp cho việc cung cấp hạ tầng cho các ứng dụng CNTT mới, có thể triển khai nhanh chóng, bằng cách tiếp tục đầu tư mở rộng năng lực xử lý và lưu trữ cho Trung tâm. Việc triển khai các ứng dụng tập trung tại Trung tâm dữ liệu tạo thuận lợi cho việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Trung tâm Công nghệ Thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị duy trì và vận hành hệ thống hạ tầng CNTT của tỉnh. Trung tâm hiện có đội ngũ với 18 nhân sự, trong đó có 01 thạc sĩ và 12 kỹ sư, cử nhân CNTT, điện tử - viễn thông. Sở Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo đơn vị vận hành tốt hệ thống và xây dựng nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT của tỉnh trong tương lai.

Hệ thống bảo đảm an toàn, an ninh thông tin được đầu tư tại Trung tâm lưu trữ dữ liệu đã đáp ứng được yêu cầu cơ bản. Các thiết bị chuyên dùng đã được đầu tư như tường lửa để ngăn chặn truy cập trái phép, lọc thư rác, quét virus, giúp duy trì hoạt động bình thường của Trung tâm. Mạng cục bộ (LAN) của các cơ quan cấp tỉnh đã được trang bị tường lửa nhằm hạn chế truy cập từ bên ngoài. Riêng đối với cấp huyện tường lửa chỉ được trang bị cho Văn phòng UBND và HĐND.

Nhìn chung hạ tầng CNTT đã đáp ứng được nhu cầu trước mắt để triển khai các ứng dụng CNTT, nhưng chỉ đạt được mức độ hoàn thiện trung bình và cần phải tiếp tục đầu tư hoàn thiện để làm nền tảng triển khai an toàn cho hệ thống Chính quyền điện tử.

3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan Nhà nước

Bên cạnh phần mềm Quản lý văn bản điều hành (VIC), phần mềm Quản lý đối tượng chính sách và bảo trợ xã hội, phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức được triển khai đồng bộ trong phạm vi toàn tỉnh; ngoài ra tất cả các cơ quan đều có những ứng dụng CNTT riêng lẻ, phục vụ công tác chuyên môn trong hoạt động thường xuyên của cán bộ, công chức. Số lượng các phần mềm được cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan sử dụng khá lớn (120 tên gọi phần mềm khác nhau) chủ yếu khai thác năng lực tính toán và lưu trữ cho các nghiệp vụ của từng cá nhân mà chưa có sự chia sẻ dữ liệu, phối hợp xử lý giữa các cá nhân, giữa các cơ quan.

Nhiều ứng dụng lưu trữ, cung cấp thông tin cho cán bộ, công chức trong hoạt động quản lý (đi kèm các cơ sở dữ liệu dùng chung) trong kế hoạch 2011-2015 đã xác định nhưng chưa đủ nguồn lực để triển khai.

4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp chưa nhiều. Ngoài các trang thông tin điện tử cung cấp thông tin về hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan và các văn bản quy phạm pháp luật; bước đầu đã cung cấp cho người dân toàn bộ các dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2. Một số dịch vụ công (145/1.687 thủ tục hành chính) đã được cung cấp ở mức độ 3 nhưng mức độ quan tâm của người dân chưa cao, có dịch vụ chưa nhận được hồ sơ trực tuyến.

Các ứng dụng phục vụ người dân và doanh nghiệp triển khai theo ngành dọc trên phạm vi cả nước đã được ứng dụng ở Cà Mau. Tuy nhiên, mức độ sử dụng của người dân với các ứng dụng này rất khác nhau. Ứng dụng trực tuyến trong lĩnh vực thuế và hải quan được người dân sử dụng thường xuyên hơn. Ứng dụng đăng ký kinh doanh trực tuyến gần như không được sử dụng, do người dân và doanh nghiệp rất ít khi thực hiện công việc này.

5. Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

Hiện nay trong tỉnh có 03 cơ sở đào tạo chuyên ngành CNTT bậc đại học với hàng trăm sinh viên theo học, sẵn sàng đáp ứng cho các cơ quan, đơn vị có yêu cầu.

Cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan Nhà nước hiện có 39 người ở các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Phần lớn các cơ quan, đơn vị khác không có vị trí chuyên trách CNTT. Số lượng cán bộ CNTT chuyên trách so với kiêm nhiệm là 39/89. Trong đó phân theo trình độ có 110 người trình độ đại học và 04 người trên đại học.

Nguồn nhân lực CNTT chuyên trách trong các cơ quan mỏng và yếu. Nguồn đã được đào tạo có thể tuyển dụng lớn nhưng cần phải đào tạo thêm sau tuyển dụng.

Hầu hết cán bộ, công chức (3.440 người) đã đạt chứng chỉ tin học mức A hoặc B, C.

6. Kinh phí triển khai các dự án ứng dụng CNTT chính trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015

Kinh phí dành cho ứng dụng CNTT từ các nguồn trong 05 năm của tỉnh là 77 tỷ 855 triệu đồng. Trong 60 nhiệm vụ, dự án ứng dụng CNTT được đưa vào Kế hoạch giai đoạn 2011-2015 chỉ có 27 nhiệm vụ, dự án được triển khai. Tuy nhiên các nhiệm vụ, dự án được lựa chọn ưu tiên triển khai đã đáp ứng các nhu cầu bức xúc của cơ quan đề xuất, thiết lập được các thành phần thiết yếu của hạ tầng CNTT làm cơ sở để triển khai các ứng dụng khác. Chi tiết các dự án và kinh phí thực hiện tại *Phụ lục 1*.

III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Mục tiêu tổng quát

- Ứng dụng CNTT xây dựng hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của các cơ quan Nhà nước trong tỉnh theo mô hình Chính quyền điện tử. Hệ thống thông tin phục vụ cho việc xử lý nghiệp vụ của cán bộ, công chức; phục vụ cho giao dịch giữa cơ quan với cơ quan Nhà nước; giữa Nhà nước với doanh nghiệp; giữa Nhà nước với công dân.

- Ứng dụng CNTT gắn với cải cách hành chính. Hoàn thiện các hệ thống thông tin về các đối tượng quản lý để làm cơ sở đổi mới thủ tục hành chính. Tin học hóa các thủ tục hành chính giúp cho công tác quản lý của cán bộ, công chức nhanh gọn, chính xác; công dân, doanh nghiệp giao dịch với cơ quan Nhà nước nhanh chóng, thuận tiện.

- Bảo đảm an toàn thông tin cho hạ tầng thông tin, an toàn dữ liệu cho các ứng dụng CNTT của tỉnh; đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực và ban hành các quy định, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho người dân.

- Sẵn sàng về hạ tầng và nguồn nhân lực để kết nối và khai thác các hệ thống thông tin quốc gia do các Bộ, ngành Trung ương triển khai.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

- Bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức có nhu cầu khai thác các hệ thống thông tin có phương tiện (máy tính, máy tính bảng, máy in ...) để sử dụng trong công việc.

- Bảo đảm 100% các cơ quan có mạng LAN được triển khai theo đúng thiết kế và được quản trị tại chỗ.

- Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh cho các hệ thống thông tin tại Trung tâm lưu trữ dữ liệu và hệ thống các mạng LAN.

2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành

- Tiếp tục triển khai rộng khắp và hoàn thiện hệ thống quản lý văn bản điều hành (VIC) bảo đảm hoạt động ổn định, phục vụ lâu dài công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hành chính.

- Xây dựng, triển khai các hệ thống quản lý chuyên ngành, phục vụ cho việc quản lý đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh, giúp các cấp trao đổi thông tin, chia sẻ thông tin cho các ngành cùng phối hợp xử lý.

- Nâng cấp, chuyển đổi để tích hợp các ứng dụng hiện hữu, theo Kiến trúc của *Chính quyền điện tử cấp tỉnh* theo hướng dẫn chung của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Các chỉ tiêu phân đầu của Kế hoạch: 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng phần mềm hồ sơ công việc liên thông (VIC), phần mềm một cửa, một cửa liên thông (ISO điện tử) phục vụ công tác quản lý, điều hành thông qua môi trường mạng; 100% cán bộ, công chức, viên chức biết khai thác, sử dụng hộp thư điện tử; 60% các cuộc họp của Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban nhân dân các huyện thông qua hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; 95% thông tin chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh được cập nhật lên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và 90% văn bản chính thức, tài liệu trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước dưới dạng văn bản điện tử.

2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện và triển khai các ứng dụng phục vụ nhu cầu giao dịch trực tuyến cùng với trực tiếp của người dân và doanh nghiệp. Người dân và doanh nghiệp có thể kết nối giao dịch trực tuyến bằng nhiều kênh như: Qua Internet, tin nhắn qua mạng điện thoại, trên các thiết bị máy tính cá nhân, điện thoại thông minh, máy tính bảng hoặc kiosque tra cứu công cộng.

- Xây dựng Trung tâm hành chính công, phục vụ giao dịch trực tiếp của người dân với đầy đủ phương tiện, theo phương thức một cửa, bảo đảm nhanh, gọn, chính xác.

- Các chỉ tiêu phân đầu của kế hoạch: 95% thông tin chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh được đưa lên Cổng Thông tin điện tử.

- Đến năm 2020: Có 100% thủ tục hành chính được cung cấp ở mức độ 3 và trong đó có 20% thủ tục hành chính được cung cấp mức độ 4 (*Lộ trình thực hiện theo Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 09/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Cà Mau năm 2015 và đến năm 2020*).

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hạ tầng kỹ thuật

- Bổ sung, thay thế máy tính hư hỏng và các trang thiết bị khác để bảo đảm điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Bổ sung, thay thế thiết bị hư hỏng cho Trung tâm lưu trữ dữ liệu để bảo đảm vận hành liên tục, hoàn thiện theo kiến trúc thành phần chức năng và mở rộng năng lực cho nhu cầu triển khai ứng dụng mới.

- Mua và trả phí cho các dịch vụ cần thiết, để duy trì hoạt động thường xuyên của Trung tâm như đường truyền, cổng kết nối, cập nhật phần mềm hệ thống, dịch vụ chống virus, chống thư rác ...

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan Nhà nước

Các ứng dụng CNTT phục vụ nội bộ cơ quan nhà nước, có thể xem xét lựa chọn sử dụng từ các nhà cung cấp, mua sắm phần mềm thông dụng có sẵn hoặc xây dựng phần mềm nội bộ theo yêu cầu. Đối với các ứng dụng có nhu cầu chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan cần xem xét đến sự phù hợp với kiến trúc tổng thể của Chính quyền điện tử. Đối với các ứng dụng cần liên thông giữa các cấp, cần căn cứ vào Danh mục các hệ thống thông tin triển khai ở quy mô quốc gia, do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố. Giai đoạn 2016-2020 ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan Nhà nước có thể nhóm lại như sau:

- Các ứng dụng cần xây dựng để trao đổi, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn trong phạm vi cơ quan, trong phạm vi tỉnh;

- Các ứng dụng cần thiết có sẵn trên thị trường, có thể sử dụng theo hình thức thuê bao dịch vụ thường xuyên hoặc thuê trong thời gian cần thiết;

- Các ứng dụng được cung cấp thông qua hệ thống thông tin quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia được xây dựng theo Quyết định số 714/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, toàn diện tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông, tăng cường trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng.

- Phát triển các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp tại các địa phương; bảo đảm triển khai đồng bộ với việc phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin.

- Nâng cao nhận thức, năng lực và hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

- Nâng cấp các trang thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo hoạt động có hiệu quả.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 09/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong đó có kết hợp với thực hiện các dịch vụ công trực tuyến ưu tiên cung cấp theo Phụ lục 1, Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Đảm bảo an toàn thông tin

- Đầu tư thiết lập một hệ thống dự phòng cho Trung tâm dữ liệu để hoạt động của các hệ thống thông tin không bị gián đoạn (khôi phục hoạt động trong thời gian ngắn nhất) khi có thiết bị hư hỏng phải thay thế, sửa chữa, khi bị tấn công, xâm nhập vào hệ thống chính;

- Đầu tư, hoàn thiện hệ thống chống xâm nhập, lây nhiễm mã độc cho toàn bộ hệ thống thông tin của tỉnh;

- Xây dựng, ban hành các quy định về quản lý, vận hành đối với các ứng dụng trong hệ thống thông tin của tỉnh, nhằm bảo đảm khai thác hiệu quả, an toàn hệ thống của tỉnh;

- Xem xét áp dụng, xây dựng và triển khai các đề án, nhiệm vụ nhằm nâng cao tiềm lực về công nghệ, cơ sở vật chất và nhân lực về an toàn thông tin, giám sát, cảnh báo, ứng cứu, xử lý sự cố, bảo đảm an toàn mạng;

- Tiếp tục triển khai và duy trì việc ứng dụng chữ ký số, chứng thư số cho các cơ quan Nhà nước trong tỉnh.

5. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hội nghị, hội thảo và các hình thức khác nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức của cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp về các lợi ích trong việc xây dựng Chính phủ điện tử, thúc đẩy cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường đào tạo kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức; tăng cường đào tạo và truyền thông về sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp.

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin ở các cơ quan Nhà nước các cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về công nghệ thông tin và việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin; tăng cường năng lực cán bộ làm công tác an toàn, an ninh thông tin.

V. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp tài chính

Với nguồn tài chính có giới hạn, cần xem xét ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, dự án làm nền tảng không thể thiếu cho việc ứng dụng CNTT của nhiều cơ quan, của hệ thống chính; các dự án nhằm mục tiêu cải cách hành chính; các dự án chuyển tiếp của các năm trước đã có chủ trương, đang triển khai thực hiện.

Thực hiện đầu tư phải chọn lựa quy mô phù hợp, phân chia giai đoạn đầu tư theo mức độ hoàn thiện dần, để có thể triển khai được giải pháp khả thi nhất, trong khả năng đáp ứng của kinh phí, sớm khai thác được kết quả đầu tư.

2. Giải pháp triển khai

Các ứng dụng CNTT được đề xuất triển khai phải trên cơ sở đáp ứng yêu cầu của cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan Nhà nước, phục vụ tốt hơn yêu cầu của người dân và doanh nghiệp. Đó là cán bộ, công chức, viên chức có được phương tiện làm việc hiệu quả hơn, rút ngắn thời gian giải quyết, đơn giản hơn thủ tục hành chính; người dân và doanh nghiệp có thêm phương thức giao dịch thuận tiện, minh bạch với cơ quan Nhà nước.

Việc triển khai cần nhắm đến các ứng dụng mang tính trọng tâm, trọng điểm. Ứng dụng phải mang lại hiệu quả cao, thúc đẩy, mở đường cho việc ứng dụng CNTT của các hoạt động quản lý khác có liên quan để phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

Triển khai các ứng dụng CNTT cần bảo đảm yếu tố khả thi và tính hiệu quả, đồng thời phải đáp ứng tính sẵn sàng cao, bảo mật hệ thống, an toàn dữ liệu. Triển khai thí điểm thành công trước khi nhân rộng, triển khai đại trà. Đặc biệt ưu tiên vận dụng các mô hình đã được đánh giá là tiên tiến, thành công vào hoàn cảnh cụ thể của tỉnh.

3. Giải pháp tổ chức

Về mặt tổ chức cần bảo đảm vị trí chuyên trách CNTT của mỗi cơ quan để triển khai, duy trì và vận hành hệ thống thông tin trong phạm vi cơ quan mình. Đặc biệt cần quan tâm xây dựng đội ngũ giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố, phòng chống tấn công, đảm bảo an toàn mạng của cơ quan Nhà nước.

Cần hình thành các đơn vị chuyên trách để đảm bảo hoạt động cho các cơ sở hạ tầng CNTT thông tin quan trọng. Khi Chính quyền điện tử vận hành, yêu cầu các hệ thống thông tin phải vận hành liên tục với độ tin cậy cao. Các đơn vị chuyên trách với một đội ngũ chuyên nghiệp làm nhiệm vụ vận hành mới có thể bảo đảm được yêu cầu này.

Trong biện pháp tổ chức cần linh hoạt trong sử dụng hình thức bố trí chuyên trách hoặc biệt phái cho một số nhiệm vụ tùy theo điều kiện làm việc cụ thể như đối với cán bộ tại bộ phận một cửa.

4. Giải pháp môi trường pháp lý

Ban hành các quy định tạo môi trường pháp lý cho việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Việc ứng dụng hiệu quả CNTT đòi hỏi sự quyết tâm của các cấp lãnh đạo. Các quy định về ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức, viên chức là phương tiện để biến quyết tâm của lãnh đạo thành hành động của toàn thể cơ quan, đơn vị.

Việc xây dựng và ban hành kiến trúc tổng thể Chính quyền điện tử là cần thiết, để bảo đảm tính thống nhất của toàn bộ hệ thống thông tin trong phạm vi tỉnh, cũng như phạm vi quốc gia. Các ứng dụng CNTT triển khai trong tương lai cần phải xem xét đến sự phù hợp với kiến trúc tổng thể để tránh trùng lặp, tăng khả năng chia sẻ, kết nối liên thông trong toàn hệ thống.

VI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Các ứng dụng CNTT chuyên ngành khi thực hiện cần có sự phối hợp và thực hiện các hướng dẫn của Bộ chuyên ngành, nhằm tận dụng và khai thác hiệu quả các dự án chuyên ngành, bảo đảm quá trình triển khai đồng bộ. Vì vậy, lộ trình thực hiện các dự án này phụ thuộc vào thời gian triển khai và hướng dẫn của Bộ. Mặt khác, thời gian thực hiện triển khai các dự án còn phụ thuộc vào mức độ sẵn sàng về hạ tầng kỹ thuật, về nguồn nhân lực, về quy trình thủ tục công việc, về khả năng bố trí nguồn kinh phí của tỉnh. Dự kiến các công việc cho từng năm trong Kế hoạch này có thể được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện triển khai cụ thể của dự án đó.

Các nhiệm vụ thường xuyên được phát sinh sau khi hoàn thành các dự án, nên thời gian thực hiện sẽ phụ thuộc vào tình hình triển khai các dự án.

Dự kiến chi tiết lộ trình thực hiện các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin theo từng năm được thể hiện tại **Phụ lục 2**.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí ngân sách nhà nước tỉnh là nguồn bảo đảm cho nhu cầu thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT này. Tùy vào thời điểm triển khai và sự phát triển của thị trường dịch vụ công nghệ thông tin, tùy thuộc vào sự định hướng của Chính phủ ở thời điểm đó; các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT có thể được triển khai bằng hình thức thuê dịch vụ, bằng nguồn vốn đầu tư ban đầu ngoài ngân sách với hình thức PPP (hình thức đối tác công tư).

Khi thực hiện các nhiệm vụ, dự án cần khảo sát và cân nhắc lựa chọn hình thức đầu tư, nếu có khả năng thuê dịch vụ hay hợp tác PPP. Trong một số trường hợp việc thuê dịch vụ sẽ hiệu quả hơn vì không phải đầu tư một khoản lớn ngay từ ban đầu, không cần tổ chức đội ngũ duy trì, vận hành, lại có thể dễ dàng nâng cấp dịch vụ hay kết thúc, chuyển đổi khi không còn nhu cầu.

Tổng kinh phí thực hiện *Kế hoạch ứng dụng CNTT trong các cơ quan Nhà nước tỉnh Cà Mau 2016-2020 bao gồm các dự án, nhiệm vụ xác định tại Danh mục của Kế hoạch này: 129,3 tỷ đồng*. Trong đó năm 2016 là 38,3 tỷ đồng. Hàng năm các dự án, nhiệm vụ ứng dụng CNTT khác tùy yêu cầu triển khai, tình hình ngân sách sẽ được bổ sung vào Danh mục chung của Kế hoạch này và bố trí vốn để thực hiện.

VIII. DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ

1. Danh mục các nhiệm vụ, dự án mới ưu tiên đầu tư giai đoạn 2016-2020 tại *Phụ lục 2* của Kế hoạch này. Việc đầu tư để sửa chữa, thay mới các cụm máy truyền thanh không dây cho các xã, nhằm đưa thông tin về cơ sở không được đưa vào danh mục này mà đề xuất đầu tư từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

2. Các nhiệm vụ, dự án khác có liên quan đến ứng dụng CNTT có thể được xác định khi phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, khi phê duyệt các kế hoạch liên quan như kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ Chính phủ giao. Các nhiệm vụ, dự án này hàng năm cần rà soát tiếp tục cập nhật vào Danh mục dự án, nhiệm vụ để làm căn cứ thực hiện.

3. Các cơ quan chủ trì thực hiện các nhiệm vụ, dự án nêu trong danh mục trên, có trách nhiệm đề xuất xin chủ trương đầu tư, tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định hiện hành, bảo đảm sự lồng ghép về nội dung, kinh phí với các chương trình, kế hoạch, dự án chuyên ngành đang triển khai (nếu có), tránh trùng lặp, lãng phí.

4. Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định đầu tư phải thông qua Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế sơ bộ.

IX. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA KẾ HOẠCH

- Kế hoạch nếu được quan tâm và đầu tư đúng hướng sẽ góp phần mang lại hiệu quả rất lớn về mặt kinh tế như: Giảm chi phí hoạt động, tiết kiệm về thời gian và chi phí đi lại cho cán bộ, công chức, viên chức trong xử lý công việc. Bộ máy hành chính của tỉnh hoạt động hiệu quả hơn, lãnh đạo các cấp dễ dàng điều hành và ra quyết định kịp thời. Góp phần tích cực trong thực hiện cải hành chính chung của tỉnh.

- Hạ tầng công nghệ thông tin được đồng bộ và hoàn chỉnh đáp ứng nhu cầu kết nối và an toàn, an ninh thông tin, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý nhà nước.

- Nguồn nhân lực CNTT được đào tạo bài bản, đáp ứng nhu cầu triển khai ứng dụng sâu rộng ở các cơ quan Nhà nước.

- Rút ngắn đáng kể thời gian phục vụ người dân và doanh nghiệp, giúp người dân và doanh nghiệp đỡ tốn kém về thời gian, công sức và tiền bạc.

- Tạo môi trường làm việc thông suốt, thống nhất phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo, là cơ sở cần thiết trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Trình tự thủ tục hành chính được công khai minh bạch, giảm thiểu tối đa những hiện tượng gây phiền hà, sách nhiễu đối với người dân và doanh nghiệp.

- Góp phần vào công cuộc đổi mới của Đảng, đưa Việt Nam hội nhập sâu hơn với khu vực và thế giới. Tạo niềm tin cho nhân dân, tạo sự tin tưởng vào công cuộc đổi mới mà Đảng và Nhà nước ta đang lãnh đạo.

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố và các doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện “Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh Cà Mau giai đoạn 2016 - 2020”.

- Hàng năm, xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước tỉnh Cà Mau, trình UBND tỉnh phê duyệt. Đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt điều chỉnh các nội dung của Kế hoạch đảm bảo phù hợp với tiến độ và tình hình thực tế thực hiện. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

- Hướng dẫn các đơn vị về nội dung ứng dụng CNTT, nội dung, thủ tục đầu tư, định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật, cấu hình trang thiết bị tin học, đảm bảo đầu tư mua sắm, trang bị đồng bộ, thống nhất.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện, để rút ra kinh nghiệm.

2. Sở Nội vụ:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng nhân lực CNTT cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Đưa kết quả triển khai ứng dụng CNTT của cơ quan Nhà nước, là một trong những tiêu chí xét thi đua hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với chương trình, đề án cải cách hành chính.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình UBND tỉnh quyết định việc bố trí vốn đầu tư phát triển, từ ngân sách Trung ương hỗ trợ, ngân sách tỉnh cho các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm, về ứng dụng CNTT của các cơ quan Nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng chính sách ưu đãi nhằm thu hút vốn đầu tư đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực CNTT.

4. Sở Tài chính

Hàng năm, tùy theo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Sở Tài chính tham mưu phân bổ vốn sự nghiệp khoa học công nghệ - ứng dụng CNTT để triển khai thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 về Chính phủ điện tử của Chính phủ (“bố trí đủ ngân sách hàng năm cho xây dựng Chính phủ điện tử”) và nội dung Kế hoạch này.

5. Các sở, ban, ngành khác và UBND cấp huyện

Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, đảm bảo tính thống nhất giữa ngành với các cơ quan, các đơn vị trên địa bàn tỉnh. Trong xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm của các cơ quan, đơn vị phải bao gồm mục chi riêng cho ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Đức Hưởng

PHỤ LỤC 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI ĐOẠN 2011-2015



Thực hiện theo Quyết định số: 191 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT		Kế hoạch vốn	Phân kỳ thực hiện theo Kế hoạch	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện							Tiến độ	GHI CHÚ
					Kinh phí thực hiện								
					Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng cộng	Loại vốn IT		
A+B	TỔNG CỘNG	169.896			2.301	10.247	21.064	27.766	16.477	77.855			
A	CÁC DỰ ÁN THEO KH CNTT 2011-2015	120.256			1.451	10.247	13.910	19.170	5.691	50.469			
I	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh	13.650			0	9.182	750	2.663	0	12.595			
1	Phần mềm hồ sơ công việc liên thông triển khai mở rộng cho các cơ quan phường, xã và ban, ngành đoàn thể trong tỉnh	2.000	2011-2012	Sở TT&TT		2.700		2.663		5.363	SN	Đã hoàn thành	Có Kế hoạch 1956 năm 2013 triển khai giai đoạn ba, 6 tỷ đồng
2	Xây dựng hệ thống thư điện tử của tỉnh và tích hợp vào phần mềm hồ sơ công việc liên thông	1.000	2011-2012	Sở TT&TT								Dừng thực hiện	
3	Xây dựng công thông tin điện tử của tỉnh và tích hợp các trang thông tin điện tử thành phần	6.900	2012-2013	Sở TT&TT		6.482				6.482	SN	Đã hoàn thành	Hoàn thành trong năm 2013
4	Xây dựng Hệ thống tích hợp thông tin kinh tế - xã hội của tỉnh	750	2012-2013	VP UBND tỉnh			750			750	SN	Đã hoàn thành	Hoàn thành trong năm 2013
5	Xây dựng Hệ chương trình quản lý đơn thư khiếu nại tố cáo và thông báo tình trạng giải quyết đơn, thư qua mạng	2.000	2011-2012	Thanh tra tỉnh								Dừng thực hiện	
6	Xây dựng phần mềm quản lý báo cáo trực tuyến tiến độ triển khai và thực hiện các dự án đầu tư qua mạng	1.000	2011-2012	Sở KH&ĐT								Chưa thực hiện	
II	Xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành phục vụ người dân và doanh nghiệp	38.750			836	0	1.800	0	0	2.636			
1	Phần mềm Một cửa, một cửa liên thông	7.950	2010-2011	Sở TT&TT	836					836	SN	Đã hoàn thành	
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu phương tiện giao thông và dịch vụ công trực tuyến trong việc cấp phép về giao thông	1.500	2013-2014	Sở GTVT								Dừng thực hiện	Trùng với dự án của Trung ương.
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu về cấp phép xây dựng và dịch vụ công trực tuyến cấp phép xây dựng	1.500	2011-2013	Sở Xây dựng								Dừng thực hiện	Dự án đang chuẩn bị đầu tư trùng với dự án Trung ương triển khai nên dừng lại.
4	Xây dựng hệ thống thông tin vào công tác quản lý của ngành tài chính và dịch vụ công trực tuyến qua mạng	6.000	2011-2014	Sở Tài chính								Dừng thực hiện	
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	2.000	2013-2015	Sở NN&PTNT								Chưa thực hiện	Chuyển qua giai đoạn sau.

STT	Tên dự án	Kế hoạch vốn	Phân kỳ thực hiện theo Kế hoạch	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện								GHI CHÚ		
					Kinh phí thực hiện									Loại vốn TT	Tiến độ
					Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng cộng					
6	7	8	9	10	11	12	13	14							
6	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý hồ sơ lý lịch cán bộ công chức	1.800	2011-2012	Sở Nội vụ			1.800			1.800	SN	Đã hoàn thành			
7	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý các trạm thu phát sóng (BTS) trên nền công nghệ GIS	1.500	2011-2012	Sở TT&TT								Dừng thực hiện	Chưa có giải pháp triển khai hiệu quả		
8	Xây dựng cơ sở dữ liệu về cấp phép lao động và dịch vụ công trực tuyến	1.000	2013-2014	Sở LĐ,TB&XH								Chưa thực hiện			
9	Xây dựng cơ sở dữ liệu về lý lịch tư pháp và dịch vụ công trực tuyến về trích lục lý lịch tư pháp	2.000	2013-2015	Sở Tư pháp								Chưa thực hiện			
10	Xây dựng cơ sở dữ liệu về cấp phép quảng cáo, chương trình biểu diễn và dịch vụ công trực tuyến	1.000	2014-2015	Sở VH,TT&DL								Dừng thực hiện			
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quyền tác giả, sở hữu khoa học và dịch vụ công trực tuyến	1.000	2014-2015	Sở KH&CN								Dừng thực hiện			
12	Xây dựng cơ sở dữ liệu các doanh nghiệp thương mại hoạt động có điều kiện hành nghề trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ công trực tuyến	2.000	2012-2013	Sở Công thương								Dừng thực hiện			
13	Xây dựng Cơ sở dữ liệu hành nghề Y, Dược tư nhân và dịch vụ công trực tuyến về đăng ký hành nghề Y, Dược tư nhân	2.000	2011-2013	Sở Y tế								Dừng thực hiện			
14	Xây dựng Cơ sở dữ liệu doanh nghiệp và dịch vụ công trực tuyến thực hiện cơ chế một cửa liên thông	1.500	2012-2013	Sở KH&ĐT								Dừng thực hiện			
15	Xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ kinh doanh cá thể và dịch vụ công trực tuyến	1.500	2013-2014	Sở KH&ĐT								Dừng thực hiện			
16	Xây dựng Hệ thống hội chuẩn từ xa qua mạng, kết nối bệnh viện tỉnh với các bệnh viện thành phố Hồ Chí Minh	4.500	2011-2012	Sở Y tế								Chưa thực hiện			
III	Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin	34.000			0	0	10.000	11.000	4.220	25.220					
1	Xây dựng Trung tâm dữ liệu của tỉnh phục vụ lưu trữ và quản lý dữ liệu	18.000	2011-2013	Sở TT&TT			10.000	7.000		17.000	ĐT	Đã hoàn thành			
2	Xây dựng Hệ thống mạng nội bộ (LAN) và mạng diện rộng (WAN) cho các cơ quan quản lý nhà nước cấp xã	8.000	2011-2013	Sở TT&TT				4.000	4.220	8.220	SN	Đang thực hiện	Giai đoạn 2 sẽ hoàn thành cuối năm 2015		
3	Xây dựng Hệ thống an toàn bảo mật thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện	8.000	2013-2015	Sở TT&TT								Dừng thực hiện	Trùng với Kế hoạch 1599 năm 2013		
IV	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền tảng cho chính phủ điện tử	15.000			0	0	0	5.000	0	5.000					
1	Xây dựng Cơ sở dữ liệu GIS phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng và thiết kế quy hoạch	10.000	2012-2014	Sở Xây dựng								Dừng thực hiện	Chưa có giải pháp triển khai		

STT	Tên dự án	Kế hoạch vốn	Phân kỳ thực hiện theo Kế hoạch	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện								Tiến độ	GHI CHÚ
					Kinh phí thực hiện									
					Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng cộng	Loại vốn TT			
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hệ thống tích hợp chung vào hệ thống của Trung ương, đầu tư	5.000	2013-2015	Sở Tư pháp				5.000		5.000	SN	Đang thực hiện	Chuyển đổi tên dự án về Hộ tịch	
A	CÁC NHIỆM VỤ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP	18.856			615	1.065	1.360	507	1.471	5.018				
1	Duy trì, bảo trì và nâng cấp phần mềm hồ sơ công việc liên thông	5.400	2011-2015	Sở TT&TT	385	565	600	300	600	2.450	SN	Đã hoàn thành		
2	Duy trì, bảo trì và nâng cấp phần mềm một cửa, một cửa một liên thông	3.600	2012-2015	Sở TT&TT						0		Dừng thực hiện		
3	Nâng cấp mở rộng, duy trì hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	1.800	2011-2015	Sở TT&TT			460			460	SN	Đã hoàn thành		
4	Đào tạo, tập huấn cán bộ kỹ thuật quản trị hệ thống hàng năm	2.900	2011-2015	Sở TT&TT	230	500	300	207	450	1.687	SN	Đã hoàn thành		
5	Phổ cập kiến thức tin học cho nông dân nông thôn và tuyên truyền phổ biến cho người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công qua mạng	3.000	2011-2015	Sở TT&TT						0		Dừng thực hiện	Chưa có giải pháp triển khai phù hợp	
6	Nâng cấp hệ thư tin điện tử của tỉnh và tích hợp vào phần mềm hồ sơ công việc liên thông	288	2014-2015	Sở TT&TT						0		Chưa thực hiện		
7	Nâng cấp công thông tin điện tử của tỉnh và tích hợp các trang thông tin điện tử thành phần thành công	480	2015	Sở TT&TT					421	421	SN	Đã hoàn thành	Xây dựng tích hợp 09 Trang thành phần lên Cổng tỉnh	
8	Nâng cấp hệ thống tích hợp thông tin kinh tế xã hội của tỉnh	288	2014-2015	Sở TT&TT						0		Chưa thực hiện		
9	Nâng cấp, duy trì hệ chương trình quản lý đơn thu khiếu nại, tố cáo và thông báo tình trạng giải quyết đơn, thu qua mạng	500	2014-2015	Sở TT&TT						0		Dừng thực hiện	Trùng với dự án của Trung ương.	
10	Nâng cấp, duy trì phần mềm quản lý báo cáo trực tuyến tiến độ triển khai và thực hiện các dự án đầu tư qua mạng	300	2014-2015	Sở TT&TT						0		Chưa thực hiện	Phần mềm chưa đầu tư	
11	Duy trì các dịch vụ công trực tuyến khác sau khi triển khai đưa vào sử dụng	300	2013-2015	Sở TT&TT và các cơ quan liên quan						0		Chưa thực hiện	Chờ chủ đầu tư đề xuất	
B	CÁC DỰ ÁN PHÁT SINH THÊM SO KH 2011-2015	49.640			850	0	7.154	8.596	10.786	27.386				
1	CÁC NHIỆM VỤ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP	9.936			0	0	1.360	2.560	1.924	5.844				
1	Hỗ trợ Website cho các đơn vị	1.440	2013-2015	Sở TT&TT			990	954	954	2.898	SN	Đã hoàn thành	Theo Kế hoạch 1596 năm 2013	
2	Trả cước đường truyền mạng chuyên dùng	760	2013-2016	Sở TT&TT			370	370	370	1.110	SN	Đã hoàn thành	Theo Kế hoạch 1596 năm 2014	
3	Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường	1.500	2014-2015	Sở TN&MT								Chưa thực hiện	Theo Kế hoạch 1595 năm 2013	

STT	Tên dự án	Kế hoạch vốn	Phân kỳ thực hiện theo Kế hoạch	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện							Tiến độ	GHI CHÚ	
					Kinh phí thực hiện									
					Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng cộng	Loại vốn TT			
6	7	8	9	10	11	12	13	14						
4	Tập huấn sử dụng mã nguồn mở cơ bản cho cấp huyện, cấp tỉnh và cấp xã (ba năm)	3.000	2013-2015	Sở TT&TT								Chưa thực hiện	Theo Kế hoạch 1958. Chờ hướng dẫn chung cho các Bộ, Ngành Trung ương	
5	Duy trì, mở rộng hệ thống chứng thư số và chữ ký số các cơ quan cấp tỉnh cấp huyện	1.500	2013-2015	Sở TT&TT					300	300	SN	Đang thực hiện	Theo kế hoạch 1599 năm 2013	
6	Quy hoạch phát triển hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Cà Mau đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	500	2013-2014	Sở TT&TT					300	300	SN	Đang thực hiện	Theo kế hoạch 1575 năm 2014	
7	Mua sắm thiết bị, duy trì hoạt động của hộp mail điện tử tỉnh	500	2014	Sở TT&TT				500		500	SN	Đã hoàn thành		
8	Đổi ứng của địa phương để thực hiện dự án "Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy cập Internet công cộng tại Việt Nam" trên địa bàn tỉnh Cà Mau	736	2014	Sở TT&TT				736		736	SN	Đã hoàn thành		
II	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh	13.000			0	0	2.994	0	7.862	10.856				
1	Hội nghị truyền hình trực tuyến	5.000	2015-2016	Sở TT&TT					5.000	5.000	SN	Đang thực hiện chuẩn bị đầu tư		
2	Hội trường điện tử	3.000	2013	Sở TT&TT			2.700			2.700	ĐT	Đã hoàn thành		
3	ISO Điện tử (Năm 2015 đổi tên thành Một cửa, một cửa liên thông)	3.000	2013-2015	Sở KH&CN và Sở TT&TT			294		2.862	3.156	SN	Đang thực hiện	Theo Kế hoạch 1595 năm 2013	
4	Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong các trường học Sở GD&ĐT	2.000	2013-2015	Sở GD&ĐT								Chưa thực hiện	Theo kế hoạch 1595 năm 2013	
III	Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin	11.000			0	0	0	1.000	0	1.000				
1	Đầu tư phần mềm, phần cứng bảo đảm an toàn bảo mật thông tin số tại các đơn vị cấp tỉnh cấp huyện	4.500	2013-2015	Sở TT&TT								Chưa thực hiện	Theo kế hoạch 1599 năm 2013	
2	Trang thiết bị nghiên ứng cứu sự cố máy tính	3.000	2013-2015	Sở TT&TT								Chưa thực hiện	Theo kế hoạch 1599 năm 2013	
3	Mua sắm trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực quản lý và điều hành	3.000	2014 - 2015	Sở TT&TT				1000		1.000	SN	Đã hoàn thành	Công văn số: 2062/UBND-VX ngày 28/4/2014	
4	Dự án phòng họp thông minh (phòng họp trực tuyến)	500	2014	Sở GD&ĐT								Chưa thực hiện		
IV	Xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành phục vụ người dân và doanh nghiệp	15.704			850	0	2.800	5.036	1.000	9.686				
1	Thư viện điện tử	6.000	2013-2015	Sở VH,TT&DL					1.000	1.000	SN	Đang thực hiện chuẩn bị đầu tư	Theo kế hoạch 1486 năm 2015	

STT	Tên dự án	Kế hoạch vốn	Phân kỳ thực hiện theo Kế hoạch	Đơn vị chủ trì	Kết quả thực hiện							Tiến độ	GHI CHÚ
					Kinh phí thực hiện								
					Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng cộng	Loại vốn TT		
6	7	8	9	10	11	12	13	14					
2	Hệ thống tích hợp thông tin quản lý đào tạo Dự án Trường Cao đẳng Công nghệ Cà Mau	1.600	2013	Trường CDCD CM			1.600			1.600	SN	Đã hoàn thành	Công văn số: 4110/UBND-VX ngày 15/8/2013.
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu về nộp thuế/ giao dịch đã được công chứng	1.000	2013-2015	Sở Tư pháp								Chưa thực hiện	Theo kế hoạch 1575 năm 2014
4	Phần mềm Công báo điện tử	1.000	2014	Công TTTT				982		982	SN	Đã hoàn thành	Công văn số: 3929/UBND-VX ngày 30/7/2014
5	Quản lý đối tượng chính sách và bảo trợ xã hội	1.394	2014	Sở TT&TT				1.394		1.394	SN	Đã hoàn thành	Công văn số: 2062/UBND-VX ngày 28/4/2014
6	Phần mềm quản lý bệnh viện (Hossoft)	4.710	2011-2015	Sở KH&CN	850		1200	2.660		4.710	SN	Đã hoàn thành	Công văn số: 784/UBND-VX ngày 09/3/2011 Công văn số: 6241/UBND-VX ngày 03/12/2013 Công văn số: 2757/UBND-VX ngày 03/6/2014

STT	Diễn giải	Số dự án/nhiệm vụ	Kế hoạch vốn	Kinh phí thực hiện
A	Tổng số dự án, nhiệm vụ trong đó:	60	169.896	77.855
	- Theo Kế hoạch 2011-2015	38	120.256	50.469
	- Bổ sung thêm đến 2015	22	49.640	27.386
B	Tiến độ thực hiện	60	169.896	77.855
1	- Đã hoàn thành:	20	66.120	54.879
	+ Trong kế hoạch:	10	47.980	37.249
	+ Ngoài kế hoạch:	10	18.140	17.630
	- Đang thực hiện chuẩn bị đầu tư	2	11.000	6.000

STT	Diễn giải	Số dự án nhiệm vụ	Kế hoạch vốn	Kinh phí thực hiện									
	+ Trong kế hoạch:	-	-	-									
	+ Ngoài kế hoạch:	2	11.000	6.000									
2	- Đang thực hiện đầu tư	5	18.000	16.976									
	+ Trong kế hoạch:	2	13.000	13.220									
	+ Ngoài kế hoạch:	3	5.000	3.756									
3	- Chưa thực hiện	16	27.176	0									
	+ Trong kế hoạch:	7	11.076	0									
	+ Ngoài kế hoạch:	9	16.100	0									
4	- Dừng thực hiện	17	47.600	0									
C	Phân theo nguồn vốn			77.855									
1	Kinh phí thực hiện cho 25 DA sử dụng vốn sự nghiệp 75%:			58.155									
2	Tổng kinh phí thực hiện 02 DA sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển 25%:			19.700									

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI ĐOẠN 2016-2020

theo Quyết định số: 191 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2016 của UBND tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

S T T	Tên dự án/nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Mục tiêu, quy mô dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí thực hiện 2016	Kinh phí thực hiện 2017	Kinh phí thực hiện 2018	Kinh phí thực hiện 2019	Kinh phí thực hiện 2020	Nguồn vốn
TỔNG CỘNG											
I	Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin				37.900	20.600	13.700	1.200	1.200	1.200	
1	Mua sắm thiết bị nâng cấp, duy trì hệ thống Hội nghị trực tuyến (Dự án đã được phê duyệt giai đoạn 2015-2016)	Văn phòng UBND tỉnh	Phục vụ các cuộc họp trực tuyến của Ủy ban nhân dân tỉnh	2015-2016	2.500	2.500					SN
2	Thiết bị quản trị, giám sát và cảnh báo tự động cho Datacenter	Sở TT&TT	Giám sát, cảnh báo tình trạng an toàn của hệ thống Trung tâm dữ liệu	2016	600	600					SN
3	Xây dựng, triển khai các thành phần hạ tầng phục vụ hoạt động của chính quyền điện tử tỉnh Cà Mau	Sở TT&TT	- Xây dựng Trung tâm lưu trữ, phòng ngừa, khắc phục sự cố dữ liệu; - Trang thiết bị Trung tâm thông tin hành chính công; - Thiết bị giám sát cho tất cả bộ phận 1 cửa (SN); - Nhà làm việc của Trung tâm lưu trữ, Trung tâm thông tin KT-XH và dịch vụ công trực tuyến; - Mở rộng chính quyền điện tử (SN).	2016-2018	30.000	17.500	12.500				ĐT & SN (3.500)
4	Mua sắm phần mềm phòng, chống virus đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	Sở TT&TT	Mua sắm phần mềm phòng, chống virus đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	2017-2020	4.800		1.200	1.200	1.200	1.200	SN
II	Cơ Sở Dữ liệu chuyên ngành				2.000	0	1.500	500	0	0	
1	Xây dựng ứng dụng khai thác hệ thống thông tin địa lý (GIS) nền tỷ lệ 1:50.000	Sở TNMT	Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ nền tỉnh Cà Mau, làm cơ sở kết nối với các nguồn dữ liệu không gian, phục vụ qui hoạch, quản lý của các ngành, lĩnh vực khác	2017	500		500				SN
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu lưu trữ tài nguyên và môi trường	Sở TNMT	Số hóa các tài liệu về TN&MT nhằm tăng cường hiệu quả quản lý, khai thác tài liệu lưu trữ, đáp ứng yêu cầu truy cập thông tin, trao đổi thông tin một cách an toàn	2017-2018	1.500		1.000	500			SN
III	Ứng dụng CNTT trong chỉ đạo và điều hành				29.450	4.000	9.050	6.200	7.100	3.100	

S.T.T	Tên dự án, nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Mục tiêu, quy mô dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí thực hiện 2016	Kinh phí thực hiện 2017	Kinh phí thực hiện 2018	Kinh phí thực hiện 2019	Kinh phí thực hiện 2020	Nguồn vốn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Xây dựng phần mềm Quản lý ngân sách dự án đầu tư	Sở Tài chính	Quản lý các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	2016-2017	4.000	2.500	1.500				SN
2	Chương trình quản lý hiện vật bảo tàng	Sở VHHTDL	Số hoá dữ liệu hiện vật; thiết bị CNTT quản lý hiện vật	2017 – 2018	450		350	100			SN
3	Ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý Tài chính ngân sách tỉnh Cà Mau giai đoạn 2016-2020	Sở Tài chính	Mục tiêu tăng cường hiệu quả công tác quản lý chuyên môn nghiệp vụ và điều hành tài chính, ngân sách các cấp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	2017-2020	7.000		2.000	2.000	2.000	1.000	SN
4	Xây dựng các phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý, điều hành và phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNN	Áp dụng trong ngành nông nghiệp	2019-2020	2.000			500	1.500		SN
3	Phát triển hệ thống thông tin quản lý đào tạo, quản lý tài sản, thiết bị, vật tư dạy học	Sở LĐTĐ	Xây dựng HT Thông tin phục vụ cho công tác đào tạo đối với học sinh sinh viên học nghề, trung cấp nghề, cao đẳng nghề.	2017	300		300				SN
6	Hệ thống đọc tự động TTS (TEXT TO SPEECH)	Sở TT&TT	Dịch đọc tự động văn bản	2016	700	700					SN
7	Phần mềm một cửa, một cửa liên thông (ISO điện tử) giai đoạn 2	Sở TT&TT	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến đến mức độ 4 và xử lý hồ sơ dịch vụ công theo quy trình một cửa. Đồng thời thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trên môi trường mạng	2016-2017	3.000	100	2.900				SN
8	Triển khai phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi của Văn phòng Chính phủ	Sở TT&TT	Triển khai tích hợp theo yêu cầu của VP Chính phủ	2016-2017	1.000	100	900				SN
9	Triển khai hệ thống hội nghị THHT cho 160 điểm cầu cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.	Sở TT&TT	Thuê dịch vụ hội nghị truyền hình cho 3 cấp cơ quan nhà nước	2016–2020	3.000	600	600	600	600	600	SN
10	Quản lý thông tin y tế qua hệ thống dữ liệu cơ sở từ y tế các tuyến xã, huyện, tỉnh và y tế tư nhân	Sở Y tế	Áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý y tế từ tỉnh, huyện, xã. Áp dụng cả y tế công và y tế tư.	2017-2019	8.000		500	3.500	4.000		SN
IV	Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp				14.450	6.500	2.750	3.200	1.000	1.000	
1	Xây dựng hệ thống thư viện điện tử	Sở VHHTDL	Xây dựng và hoàn thiện hoạt động thư viện điện tử cấp tỉnh, cấp huyện tạo nguồn tài nguyên thông tin số trực tuyến	2015 – 2016	4.500	4.500					SN

S.T.T	Tên dự án, nhiệm vụ	Chủ đầu tư	Mục tiêu, quy mô dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí thực hiện 2016	Kinh phí thực hiện 2017	Kinh phí thực hiện 2018	Kinh phí thực hiện 2019	Kinh phí thực hiện 2020	Nguồn vốn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ	Sở Tư pháp		2015-2016	2.000	2.000					SN
3	Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu ngành tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau	Sở TNMT	Tạo lập cơ sở dữ liệu quản lý chuyên ngành TN&MT tập trung toàn tỉnh gắn với hệ thống thông tin địa lý phục vụ công tác quản lý, kết nối thông tin đa ngành, tăng cường khả năng cung cấp thông tin cho người dân và doanh nghiệp	2018 –2020	2.500			500	1.000	1.000	SN
4	Xây dựng hệ thống thông tin về qui hoạch sử dụng đất, giá đất và tra cứu thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở	Sở TNMT	Xây dựng hệ thống thông tin về qui hoạch sử dụng đất, giá đất và tra cứu thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở	2017 –2018	450		250	200			SN
5	Tin học hóa hệ thống khám chữa bệnh thực hiện bệnh án điện tử, đăng ký khám bệnh từ xa, quản lý thuốc, vật tư y tế	Sở Y tế	Nâng cấp và hoàn thiện hệ thống quản lý CNTT tại các bệnh viện	2017-2018	5.000		2.500	2.500			SN
V	Nhiệm vụ Ứng dụng CNTT hàng năm				45.500	9.700	8.250	7.400	11.350	8.800	
1	Bảo trì, nâng cấp phòng họp trực tuyến, mua sắm (hàng năm) thiết bị thay thế	Văn phòng UBND tỉnh	Bảo trì, nâng cấp phòng họp trực tuyến, mua sắm (hàng năm) thiết bị thay thế	2016-2020	2.500		1.000	500	500	500	SN
2	Nâng cấp phần mềm thông tin kinh tế - xã hội EGC	Sở TT&TT	Phục vụ báo cáo thông tin cho Lãnh đạo tỉnh, Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện.	2016	400	400					SN
3	Tích hợp, mở rộng Phần mềm theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ giao	Sở TT&TT	Tích hợp, mở rộng Phần mềm theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ giao	2019-2020	1.500				500	1.000	SN
4	Mở rộng năng lực hoạt động Trung tâm dữ liệu của tỉnh	Sở TT&TT	Mở rộng năng lực hoạt động Trung tâm dữ liệu của tỉnh	2016-2019	7.000	3.500			3.500		SN
5	Thuê, mua các dịch vụ cần thiết để duy trì hoạt động của Trung tâm dữ liệu	Sở TT&TT	Các dịch vụ cập nhật cho thiết bị phòng chống virus, thư rác, xâm nhập mạng và cập nhật các phần mềm hệ thống	2016-2020	8.400	1.500	1.650	1.700	1.750	1.800	SN
6	Chuyên giao kỹ thuật và hỗ trợ chẩn đoán, điều trị của các bệnh viện	Sở Y tế	Đào tạo tập huấn, cập nhật kiến thức y khoa liên tục cho các tuyến bệnh viện tỉnh, huyện	2017-2020	5.000		1.500	1.000	1.000	1.500	SN

S	T	T	T	T	T	T	T	T	T	T	T
Tên dự án, nhiệm vụ		Chủ đầu tư	Mục tiêu, quy mô dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Kinh phí thực hiện 2016	Kinh phí thực hiện 2017	Kinh phí thực hiện 2018	Kinh phí thực hiện 2019	Kinh phí thực hiện 2020	Nguồn vốn
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	Duy trì, cập nhật các ứng dụng công nghệ thông tin đã được triển khai của tỉnh	Sở TT&TT và các sở chủ quản	Duy trì hàng năm các ứng dụng đã triển khai và cập nhật khi có thay đổi về yêu cầu quản lý	2016-2020	15.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	SN
9	Duy trì đường truyền mạng chuyên dùng	Sở TT&TT	Trả phí đường truyền mạng chuyên dùng hàng năm	2016-2020	3.200	500	600	700	700	700	SN
10	Tuyên truyền về chính quyền điện tử trên sóng của Đài phát thanh truyền hình tỉnh	STTTT	Tuyên truyền để người dân hiểu, hướng dẫn, giới thiệu để người dân biết và sử dụng các dịch vụ của chính quyền điện tử	2016-2020	2.500	800	500	500	400	300	SN

Ghi chú: Tổng hợp nguồn vốn

- Tổng số dự án, nhiệm vụ:	129.300	30	100%								
+ Vốn đầu tư phát triển:	26.500	1	20								
+ Vốn sự nghiệp:	102.800	29	80								